

**UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ 2**





**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025**

KHỐI 6

Họ và tên học sinh:

Lớp:.....

Hà Nội, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

TT	Môn	Trang
1	TOÁN	1
2	NGŨ VĂN	7
3	TIẾNG ANH	8
4	KHOA HỌC TỰ NHIÊN	14
5	LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ	18
6	GIÁO DỤC CÔNG DÂN	19
7	CÔNG NGHỆ	20
8	TIN HỌC	21
9	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM-HƯỚNG NGHIỆP	27
10	GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG	28
11	NGHỆ THUẬT	29
12	GIÁO DỤC THỂ CHẤT	30



A. LÝ THUYẾT

1. Phần Số học

- Ước chung, ước chung lớn nhất. Bội chung, bội chung nhỏ nhất.
- Tập hợp số nguyên. Cộng, trừ, nhân, chia số nguyên.
- Quy tắc dấu ngoặc.

2. Phần Hình học

- Chu vi và diện tích các tứ giác đã học.
- Hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng.

B. MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO

I. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng cho mỗi câu sau:

Câu 1. Các số -2 ; -17 ; 2 ; 0 ; 5 ; -1 được xếp theo thứ tự giảm dần là:

- A. -1 ; -2 ; -17 ; 0 ; 2 ; 5 .
B. -17 ; -1 ; -2 ; 0 ; 2 ; 5 .
C. 5 ; 2 ; 0 ; -1 ; -2 ; -17 .
D. -17 ; -2 ; -1 ; 0 ; 2 ; 5 .

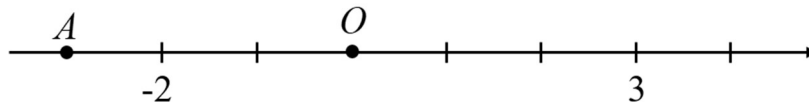
Câu 2. Bảng dưới thống kê nhiệt độ của Moscow (Ma-xcơ-va) trong một ngày mùa đông:

Thời điểm	6 giờ sáng	11 giờ sáng	1 giờ chiều	5 giờ chiều	10 giờ tối
Nhiệt độ	-3°C	1°C	4°C	-1°C	-6°C

Nhiệt độ lạnh nhất trong ngày là

- A. 6 giờ sáng. B. 11 giờ sáng. C. 5 giờ chiều. D. 10 giờ tối.

Câu 3. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên:



- A. -3 . B. -1 . C. 1 . D. 3 .

Câu 4. Khẳng định nào **sai** trong các khẳng định sau

- A. Số tự nhiên khác 0 còn được gọi là số nguyên dương.
B. Tập hợp các số nguyên được kí hiệu là $\mathbb{Z}$.
C. Tập hợp các số nguyên dương gồm số 0 và các số nguyên lớn hơn 0.
D. Các số nguyên âm luôn nhỏ hơn các số nguyên dương.

Câu 5. Số tự nhiên a lớn nhất thỏa mãn $60:a$ và $165:a$ là

- A. 15. B. 30. C. 45. D. 60.

Câu 6. Trong các cặp số dưới, hai số nào là hai số nguyên tố cùng nhau?

- A. 7 và 8. B. 4 và 10.
C. 12 và 15. D. 13 và 26.

Câu 7. Cách biến đổi nào sau đây đúng?

A. $a + (b - c) = a - b + c$

C. $a - b - c = a - (b - c)$

B. $a - (b - c) = a - b - c$

D. $-(a - b) + c = -a + b + c$

Câu 8. Số đối của (-18) là

A. 81.

B. 18.

C. (-18) .

D. (-81) .

Câu 9. Kết quả của phép tính $\frac{1}{3} + \frac{3}{8} - \frac{1}{12}$ là

A. $\frac{5}{8}$

B. $\frac{17}{24}$

C. $\frac{19}{24}$

D. $\frac{3}{288}$

Câu 10. Kết quả rút gọn phân số $\frac{36}{54}$ về phân số tối giản là

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{3}{4}$

C. $\frac{5}{6}$

D. $\frac{18}{27}$

Câu 11. Vào một buổi tối mùa đông, nhiệt độ ở Sapa là -2°C đến trưa hôm sau nhiệt độ tăng thêm 4°C . Hỏi lúc đó nhiệt độ ở Sapa là bao nhiêu?

A. 6°C

B. 2°C

C. -6°C

D. -2°C

Câu 12. Kết quả kinh doanh của một công ty sau 3 tháng đầu năm như sau: Hai tháng đầu lỗ 225 triệu đồng, tháng thứ ba lãi 362 triệu đồng. Hỏi sau 3 tháng đầu năm, công ty lỗ hay lãi bao nhiêu tiền?

A. Lãi 137 triệu đồng

B. Lãi 86 triệu đồng

C. Lỗ 109 triệu đồng

D. Lỗ 88 triệu đồng

Câu 13. Mỗi viên gạch hoa hình vuông có cạnh 20cm.

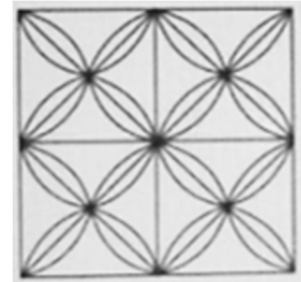
Tính chu vi hình vuông ghép bởi 4 viên gạch hoa như hình vẽ dưới đây.

A. 80 cm

B. 400cm

C. 160cm

D. 40cm



Câu 14. Một hình chữ nhật có độ dài 2 cạnh là 8 cm và 12 cm. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật đó. Diện tích của hình vuông là

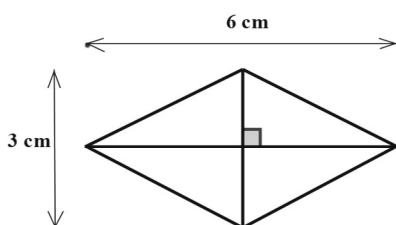
A. 100 cm^2

B. 1600 cm^2

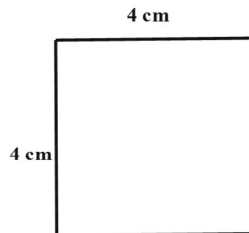
C. 40 cm^2

D. 96 cm^2

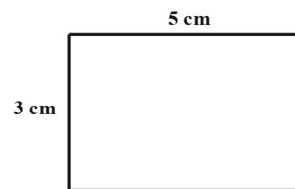
Câu 15. Trong các hình dưới đây, hình nào có diện tích lớn nhất?



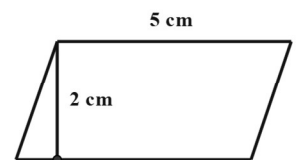
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

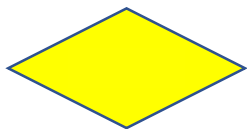
A. Hình 1

B. Hình 2

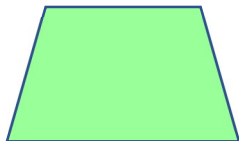
C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 16. Trong các hình sau, hình có trục đối xứng là



Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

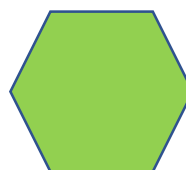
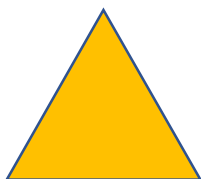
A. Hình a, b, c

C. Hình a, c, d

B. Hình a, b, d

D. Hình b, c, d

Câu 17. Trong các hình sau, hình có tâm đối xứng là



A. Hình vuông, tam giác đều, hình thang cân

B. Hình vuông, lục giác đều, hình bình hành

C. Hình vuông, hình thang cân, lục giác đều

D. Tam giác đều, lục giác đều, hình bình hành

Câu 18. Trong các hình sau đây, hình nào không có tâm đối xứng?



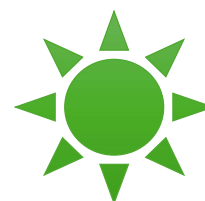
Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

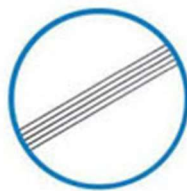
A. Hình a.

B. Hình b.

C. Hình c.

D. Hình d.

Câu 19. Số biển báo giao thông trong hình có trục đối xứng là



A. 1 biển báo.

B. 2 biển báo.

C. 3 biển báo.

D. 4 biển báo.

Câu 20. Cho các khẳng định sau

i) Hình thoi có 2 trục đối xứng

ii) Hình vuông có 4 trục đối xứng

iii) Hình thang cân không có trục đối xứng

iv) Hình tam giác đều có 3 trục đối xứng

Số khẳng định đúng trong các khẳng định trên là

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

II. BÀI TẬP TỰ LUẬN

1. Số học

Bài 1. Hãy liệt kê các phần tử của tập hợp sau rồi tính tổng của chúng

a) $A = \{x \in \mathbb{Z} \mid -3 < x \leq 3\}$

b) $B = \{x \in \mathbb{Z} \mid -5 \leq x \leq 2\}$

Bài 2. Thực hiện phép tính:

a) $(-137) + (-255) - 31$

b) $2^2 \cdot 5 + (-15) : 3 + 7 \cdot (-2)$

c) $(-25) \cdot (-31) \cdot (-4)$

d) $125 - 25 \cdot (-7) - (-300)$

e) $-2023 - (-2023 + 3^{17} : 3^{15}) - 1^{2023}$

f) $5^2 - [17 - 13 \cdot (2024^0 - 1^{2024}) - 51]$

Bài 3. Tính hợp lý

a) $(-27) + 14 + (-70) + (-164) + 27$

b) $217 + 36 + (-217) - 136 + 200$

b) $-84 + (215 - 16) - (15 - 500)$

c) $(-123) - [42 + (-123 + 158)]$

g) $69 \cdot 27 - 113 \cdot 69 + 86 \cdot (-31)$

h) $18 \cdot (-32) - 18 \cdot 35 + 33 \cdot (-18)$

i) $1 - 2 + 3 - 4 + \dots + 49 - 50$

k) $(-2) + (-4) + \dots + (-98) + (-100)$

Bài 4. Tìm số nguyên x biết

a) $21 - x = -15$

b) $(-15) + x = -37$

c) $12 - 5(x + 4) = -13$

d) $112 - 12(x - 5) = -32$

e) $(15 - x)(x + 3) = 0$

f) $(x - 5) \cdot (x^2 - 4) = 0$

Bài 5. Trong 4 tháng đầu năm, công ty AEC kinh doanh bị lỗ 40 triệu đồng mỗi tháng. Trong 8 tháng còn lại, công ty thay đổi chiến lược kinh doanh nên mỗi tháng lãi 30 triệu đồng. Hỏi kết quả kinh doanh cả năm vừa qua của công ty lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?

Bài 6. Thủy ngân là một kim loại ở thể lỏng trong điều kiện bình thường. Nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân là -39°C . Nhiệt độ sôi của thủy ngân là 357°C . Tính nhiệt độ chênh lệch giữa nhiệt độ sôi và nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân.

Bài 7. Vào một ngày tháng một ở Moscow (Liên Bang Nga), buổi sáng nhiệt độ là -5°C , buổi trưa nhiệt độ tăng thêm 2°C , ban đêm nhiệt độ giảm 4°C so với buổi trưa. Hỏi nhiệt độ đêm hôm đó là bao nhiêu?

Bài 8. Để trao quà cho các bạn nhỏ ở trại trẻ mồ côi, học sinh lớp 6A dự định chia 180 gói kẹo,

140 hộp bánh, 60 lít sữa thành các phần đều nhau. Hỏi chia được nhiều nhất thành bao nhiêu phần quà? Khi đó, mỗi phần quà sẽ có bao nhiêu gói kẹo, hộp bánh, lít sữa?

Bài 9. Trong hội diễn dân vũ, số học sinh của một trường khi xếp hàng 10, hàng 12, hàng 15 đều vừa đủ. Biết số học sinh trong khoảng từ 400 đến 450 em. Tính số học sinh của trường đó.

Bài 10. Trường THCS Giảng Võ 2 tổ chức cho khoảng 800 đến 900 học sinh đi tham quan

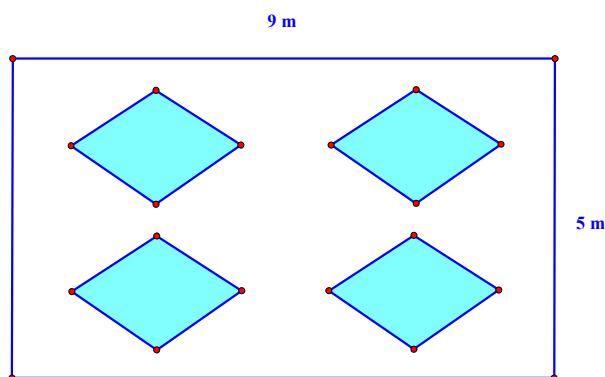
Hồ Núi Cốc bằng xe ô tô. Nếu xếp mỗi xe 30 em, 35 em hay 42 em thì đều vừa đủ. Tính số học sinh của trường đi tham quan?

Bài 11. Số công nhân của một nhà máy là số có ba chữ số. Khi xếp tổ 18 người, 20 người, 24 người đều thừa 5 người. Nhưng xếp tổ 25 người thì vừa đủ. Tìm số công nhân của nhà máy đó.

2. Hình học

Bài 12. Một khu vườn có dạng hình chữ nhật có chiều dài và chiều rộng lần lượt là 9m và 5m.

- Tính diện tích của cả khu vườn.
- Người ta đã xây bốn bồn hoa hình thoi kích thước như nhau có độ dài hai đường chéo là 2m và 3m. Phần còn lại thì dự định trồng cỏ. Biết mỗi mét vuông cỏ có giá 35 000 đồng và tiền công thuê người trồng cả khu vườn là 300 000 đồng. Tính tổng số tiền phải trả.

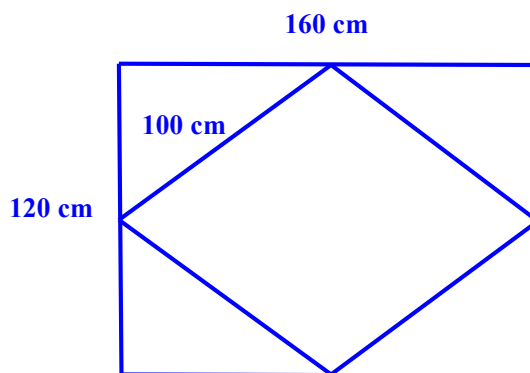


Bài 13. Nhân dịp Giáng sinh, Bạn An muốn mua dây kim tuyến để trang trí cửa sổ căn phòng như bình bên. Cụ thể:

- Phía bên ngoài là hình chữ nhật có chiều dài 160 cm, chiều rộng 120cm
- Phía bên trong là hình thoi cạnh 100 cm.

a) Hỏi mỗi cửa sổ cần dùng bao nhiêu xăng-ti-mét dây trang trí?

b) Biết mỗi cuộn dây dài 15 m, hỏi nếu dùng 2 cuộn để trang trí cho 3 khung cửa giống như vậy thì có đủ không? Vì sao?



Bài 14. Một chiếc bàn có mặt bàn dạng hình thang cân với đáy lớn 120 cm, đáy nhỏ 60 cm, chiều cao 48 cm.

- Tính diện tích mặt bàn.
- Khi họp nhóm, 6 chiếc bàn được ghép lại như hình vẽ. Tính diện tích mặt bàn của chiếc bàn ghép này.



Bài 15.

Một chiếc chụp đèn có bốn mặt giống nhau, mỗi mặt có dạng một hình thang cân. Mặt trên và dưới của chụp đèn để hở còn bốn mặt xung quanh được lắp kính và khung đèn làm bằng hợp kim sơn tĩnh điện. Biết miếng kính hình thang cân có đáy lớn dài 20 cm, đáy nhỏ dài 14 cm, chiều cao 24 cm. Tính diện tích kính cần thiết để làm một cái chụp đèn.

**III. MỘT SỐ BÀI TOÁN NÂNG CAO**

Bài 16. Chứng tỏ rằng với mọi $n \in \mathbb{N}$ thì $14n + 3$ và $21n + 4$ là hai số nguyên tố cùng nhau.

Bài 17. Tìm $a, b \in \mathbb{N}$ biết:

a) $\text{ƯCLN}(a; b) = 6$ và $a + b = 48$

b) $\text{ƯCLN}(a; b) = 5$ và $a \cdot b = 300$

Bài 18. Một bài kiểm tra có 40 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được +5 điểm, mỗi câu trả lời sai bị trừ 3 điểm và 0 điểm cho mỗi câu chưa trả lời. Một bạn học sinh được 129 điểm. Tính số câu chưa trả lời của bạn học sinh đó biết bạn trả lời sai 7 câu.

Bài 19. Tìm $x, y \in \mathbb{Z}$ biết:

a) $(x - 2)(y + 3) = 17$

b) $(x + 1)(2y - 5) = 143$

Bài 20. Cho 92 số nguyên, trong đó tổng của 7 số bất kỳ là một số nguyên âm. Chứng tỏ rằng tổng của 92 số đó là số nguyên âm.



I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

1. Đọc – hiểu

- Chủ đề: Yêu thương, sẻ chia
- Thể loại: truyện
- Thực hành Tiếng Việt: từ đồng âm, từ đa nghĩa; biện pháp tu từ đã học.

2. Viết:

- Viết kết nối với đọc: Liên hệ với nội dung ở phần đọc hiểu để rút ra bài học, thông điệp.
- Viết đoạn văn khoảng 200 chữ ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát hoặc đoạn trích của một bài thơ lục bát.

II. CÁC DẠNG BÀI ÔN TẬP

1. Dạng bài *Đọc hiểu văn bản truyện+ Tiếng Việt*

1.1. Dạng câu hỏi: Tự luận

1.2. Yêu cầu:

- Nhận biết lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Nhận biết, phân tích tác dụng người kể chuyện, ngôi kể.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật.
- Phát hiện và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đã học; từ đồng âm, từ đồng nghĩa.
- Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.

2. Dạng bài *Viết*

2.1. Viết kết nối với đọc

+ Hình thức: Viết 3,4 câu văn liền mạch, sử dụng từ ngữ chính xác, không mắc lỗi diễn đạt.

+ Nội dung: liên hệ với nội dung ở phần đọc hiểu để rút ra bài học, thông điệp.

2.2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát hoặc một đoạn trích của bài thơ lục bát.

+ Hình thức: Đoạn văn 200 chữ (khoảng 2/3 trang) có bố cục rõ ràng, sử dụng từ ngữ chính xác, không mắc các lỗi về diễn đạt câu...

+ Nội dung: Ghi lại cảm xúc về một bài thơ hoặc đoạn trích của một bài thơ lục bát.

+ Định hướng cụ thể :

TT	Các phần	Tiêu chí
1	Mở đoạn	- Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ/ đoạn trích.
2	Thân đoạn	Trình bày cảm xúc của em về bài thơ/đoạn trích: - Nêu cảm xúc về nội dung của bài thơ/đoạn trích. - Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ/đoạn trích. - Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ/ đoạn trích
3	Kết đoạn	- Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ hoặc đoạn trích.

III. HƯỚNG RA ĐỀ

1. Thời gian làm bài: 90 phút

2. Cấu trúc đề: 100% tự luận



PART I – THEORY: Unit 1 to Unit 5

A. VOCABULARY

- School things and activities
- Rooms and furniture
- Body parts and appearance
- Places in a neighbourhood
- Things in nature
- Verbs (*play, do, have, study*) + N
- Types of houses
- Personality adjectives
- Travel items

B. PHONETICS

- Sounds /ʌ/ and /a:/
- Sounds /p/ and /b/
- Sounds /d/ and /t/
- Sounds /z/ and /s/
- Sounds /ɪ/ and /i:/

C. GRAMMAR FOCUS

- Present simple
- Prepositions of places
- Present continuous
- Comparative adjectives
- Countable and uncountable
- Adverbs of frequency
- Possessive Case
- Modal verb: *must/ mustn't*

D. SPEAKING (2 points)

- Talk about your dream school
- Describe a house
- Talk about a good friend
- Talk about a neighborhood
- Talk about famous places, and what you must/ mustn't do there

PART II – PRACTICE TEST

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1: A. parents B. fireworks C. cupboards D. knocks

Question 2: A. beach B. peaceful C. repeat D. break

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that doesn't belong to the group.

Question 3: A. backpack B. sleeping bag C. tent D. desert

Question 4: A. cathedral B. creative C. post office D. factory

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to complete each of the following questions

Question 5: They are talking about some man-made and natural _____ of Viet Nam.

- A. wonderful B. wonder C. wonderfully D. wonders

Question 6: Our teacher _____ strict when he _____ a lesson.

- A. is always – has B. is always - have
C. always is – has D. always is - have

Question 7: Thomas can make a speech in English in front of the class. He feels _____ when he speaks.

- A. shy B. confident C. caring D. careful

Question 8: Students must _____ to school on time.

- A. to going B. to go C. going D. go

Question 9: Do you know the address of _____ apartment?

- A. Mrs. Hoa B. Mrs. Hoas' C. Mrs. Hoa's D. Mrs. Hoa'

Question 10: This is a difficult question, so only _____ students can answer it.

- A. many B. a few C. much D. a little

Question 11: At lunchtime, you can _____ lunch in the school canteen.

- A. study B. play C. have D. do

Question 12: Sarah would like to make an appointment with Peter.

- Sarah: "Peter, let's go to the cinema this Saturday."

- Peter: "_____ What time can we meet?"

- A. That's fine. B. Excuse me.
C. Are you sure? D. You're welcome!

Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 16

TIPS FOR EXPLORING CAVES

- Stay in groups. It helps keep you (13) _____ than you go alone.
- Bring (14) _____ flashlight to find ways in dark areas.
- (15) _____ to your guide's instructions for safety.
- Take a break and relax if you feel (16)_____.

Question 13. A. more safer B. safer C. more safe D. safe

Question 14. A. a B. an C. some D. a little

Question 15. A. Study B. Listen C. Watch D. Play

Question 16. A. well B. happy C. strong D. unwell

Mark the letter A, B, C, D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 17 to 18.

Question 17. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Traveling to new places can be exciting and fun. It lets us explore different cultures.

- a. Firstly, traveling is fun because we can see new places and try different foods.
b. Finally, it helps us meet new people and make new friends.
c. Secondly, we can also learn about different cultures.

A. a-c-b B. b-a-c C. c-b-a D. a-b-c

Question 18: Choose the sentence that you can end the text (in Question 17) most appropriately.

- A. As a result, traveling can be a good experience.
B. People often find traveling too expensive.
C. Traveling is only for people who have a lot of free time.
D. Many people don't like traveling.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

The Amazon rainforest, also known as the Amazon Jungle, is a vast tropical rainforest lying next to the Amazon River (19)_____ Brazil and the neighbouring countries. It is one of the natural wonders of the world, and the largest rainforest. If you want to go to a place which has (20) _____ kinds of plants and animals than anywhere else on Earth, you should go to the Amazon Jungle. It contains (21) _____ plants and (22) _____. The region is home to about 2.5 million insect species, tens of thousands of plants and some 2,000 birds and mammals. Many useful plants (23) _____ in the Amazon rainforest. They (24) _____ food, building materials, rubber, medicines, and other products.

- Question 19.** A. on B. to C. under D. in
Question 20. A. more B. most C. much D. many
Question 21. A. an amazing number of B. of an amazing number
 C. amazing number of a D. amazing of a number
Question 22. A. animals B. trees C. vegetables D. flowers
Question 23. A. grew B. is growing C. are grown D. grow
Question 24. A. sell B. buy C. use D. provide

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 25. The teacher doesn't allow us to copy the other teams' work.

- A. We should not allow teacher to copy the other teams' work.
B. We should copy the other teams' work.
C. We mustn't copy teacher's work.
D. We mustn't copy the other teams' work.

Question 26. My sister is beautiful, but my mom is even more beautiful.

- A. My mom is not as beautiful as my sister.
- B. My mom is more beautiful than my sister.
- C. My sister is more beautiful than my mom.
- D. My mom is so beautiful as my sister.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 27: David /his friends/ play/volleyball/ right now /.

- A. David and his friends play volleyball right now.
- B. David and his friends are play volleyball right now.
- C. David and his friends playing volleyball right now.
- D. David and his friends are playing volleyball right now.

Question 28: The/ railway station/ to/ right/ the square /.

- A. The railway station is to right of the square.
- B. The railway station is to the right the square.
- C. The railway station is to the right of the square.
- D. The railway station is the right of the square.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 29: What does the notice say?



- A. Tennis lessons for children are available from Mondays to Fridays.
- B. Tennis lessons for adults are available on Mondays and Fridays.
- C. It costs €5 for new players of all ages to join the tennis club every day.
- D. It costs €5 for children to join the tennis club on Mondays and Fridays.

Question 30: What does the sign say?



- A. The café opens in the evening.
- B. The café opens at 8 a.m. and closes at 4 p.m.
- C. The café opens after 4 p.m.
- D. The café doesn't close in the evening.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions

When people talk about Nha Trang, the biggest city in Khanh Hoa Province, they often think of a tropical paradise. Nha Trang is a **famous** seaside resort. It has a long coastline with beautiful white sandy beaches.

In the morning and afternoon, tourists can take part in various fascinating outdoor activities such as mud bathing, swimming, snorkeling or scuba diving. Snorkeling and scuba diving are both interesting sports, as swimmers may swim underwater and admire the lives at the bottom of the sea. Besides, tourists can also take boat trips to the islands. One of the most enjoyable trips is the trip to Mieu Island, where Tri Nguyen Aquarium was built in 1999. This aquarium is now home to different kinds of colorful fish and even a few sharks.

In addition, tourists can spend an evening visiting a fishing village, where they could get a taste of the local seafood. There are crabs, shrimps, lobsters, clams, oysters, and several other kinds of fish - all are fresh and **delicious**.

Question 31. The word “**famous**” in the text is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. unknown B. well-known C. popular D. common

Question 32. Which of the following sentences is NOT mentioned in the passage?

- A. Most tourists are interested in snorkeling and scuba diving.
B. Nha Trang is a nice seaside resort.
C. The local seafood is fresh and delicious.
D. Tri Nguyen Aquarium is on an island.

Question 33. At Tri Nguyen Aquarium, visitors can enjoy _____.

- A. watching sharks and various kinds of colorful fish
B. a taste of the local seafood
C. feeding the fish
D. watching a few sharks only

Question 34. At a fishing village, tourists can _____.

- A. choose crabs, shrimps B. try local seafood
C. enjoy fishing D. catch the fish and cook them

Question 35. The word “**delicious**” in the text is CLOSEST in meaning to _____.

- A. creative B. terrible C. simple D. tasty

Question 36. What is the main idea of the passage?

- A. Nha Trang is known for its fishing villages and seafood.
B. Nha Trang offers a variety of activities and attractions for tourists.
C. Nha Trang is famous for its historical sites and temples.
D. The aquarium in Nha Trang is the main attraction for tourists.

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

I’m Julie and my best friend is Janet. We’re 12 years old and we’re in the same class. Both of us are tall and slim. (37) _____, and Janet is kind and friendly. We like to spend our free time together. (38) _____. We live in the same building, so

we always walk home together and talk about our homework. (39) _____. When I don't understand a question in my homework, I often call her for help. At weekends, Janet usually wants to go skating in the park or go to the cinema, but (40) _____. However, we often plan our day together.

- A. At break time, we sometimes skip ropes or we just sit and chat
- B. I like staying at home and reading comic books
- C. I'm a bit quiet and shy
- D. Janet is very helpful to me

Question 37. ____ **Question 38.** ____ **Question 39.** ____ **Question 40.** ____



A. HÌNH THỨC, NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Thời gian: 60 phút (Lịch kiểm tra tuần 15)

2. Hình thức: 90% trắc nghiệm và 10% tự luận

- Phần I: Trắc nghiệm 4 lựa chọn: 16 câu, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
- Phần II: Trắc nghiệm Đúng/Sai: 2 câu mỗi câu 4 ý (đúng 1 ý được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25đ, đúng 3 ý được 0,5đ, đúng 4 ý được 1 điểm)
- Phần III: Trắc nghiệm trả lời ngắn: 6 câu hoặc 2 câu mỗi câu 3 ý hoặc 3 câu mỗi câu 2 ý (mỗi câu/ý đúng được 0,5 điểm)
- Phần IV: Tự luận: 1 điểm

3. Nội dung kiến thức ôn tập và kiểm tra

Bài 15. Chất tinh khiết-hỗn hợp.

- Nêu được khái niệm về chất tinh khiết, hỗn hợp.
- Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.
- Nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch, các chất rắn hòa tan và không hòa tan trong nước.
- Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước.
- Phân biệt được dung dịch với huyền phù và nhũ tương.

Bài 16. Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp.

- Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lý của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.
- Trình bày được một số phương pháp đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.

Bài 17. Tế bào.

- Trình bày được khái niệm, chức năng của tế bào.
- Mô tả được hình dạng và kích thước điển hình của một số loại tế bào.
- Phân biệt tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực, tế bào động vật, tế bào thực vật.
- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.
- Giải thích được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của sự sống.
- Nhận biết được sự lớn lên và phân chia của tế bào và nêu được ý nghĩa của quá trình đó.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

1. Xem lại phần kiến thức và các câu hỏi Bài 15, 16, 17 SGK Khoa học tự nhiên 6.
2. Xem lại các bài tập trắc nghiệm Bài 15, 16, 17 SBT Khoa học tự nhiên 6.

3. Bài tập tự luận.

Bài 1: Trong nước biển có hòa tan nhiều muối, trung bình cứ 100 g nước biển có 3,5 g muối ăn. Hỏi từ 1 tấn nước biển sẽ thu được bao nhiêu kg muối ăn?

Bài 2: Người ta khai thác muối potassium chloride (muối mỏ) bằng cách bơm nước nóng xuống hầm mỏ để hòa tan muối, sau đó hút nước muối nóng lên cho chảy qua các tấm máng để nguội, thu được muối rắn. Em hãy chỉ ra các phương pháp tách chất và giải thích trong cách khai thác muối mỏ?

C. ĐỀ MINH HỌA

PHẦN I. Dạng câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn, cho 4 phương án, chọn 01 đáp án đúng.

Câu 1. Hai chất lỏng không hoà tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau được gọi là

- A. dung dịch. B. hỗn hợp. C. huyền phù. D. nhũ tương.

Câu 2. Khi hoà tan bột đá vôi vào nước, chỉ một lượng chất này tan trong nước, phần còn lại làm cho nước bị đục. Hỗn hợp này được gọi là

- A. chất tan. B. huyền phù. C. dung dịch. D. nhũ tương.

Câu 3. Chất khí nào tan tốt trong nước?

- A. Khí oxygen. B. Khí hydrogen.
C. Khí nitrogen. D. Khí hydrogen chloride.

Câu 4. Muốn chất rắn tan nhanh trong nước, không nên thực hiện biện pháp nào?

- A. Thêm đá vào dung dịch. B. Khuấy dung dịch.
C. Đun nóng dung dịch. D. Nghiền nhỏ chất rắn.

Câu 5. Dựa vào tính chất nào dưới đây mà ta khẳng định được một chất lỏng là chất tinh khiết?

- A. Không màu, không mùi. B. Không tan trong nước.
C. Lọc được qua giấy lọc. D. Có nhiệt độ sôi nhất định.

Câu 6. Dụng cụ trong hình 1 có thể được sử dụng để tách riêng các chất trong hỗn hợp gồm các chất dưới đây?

- A. Nước và rượu.
B. Cát và trong nước.
C. Bột mì và trong nước.
D. Dầu ăn và nước.



Hình 1

Câu 7. Trong máy lọc nước có nhiều lõi lọc khác nhau. Trong đó, có một lõi làm bằng bông được ép rất chặt. Tác dụng của lõi bông đó là

- A. lọc chất tan trong nước. B. lọc chất không tan trong nước.
C. lọc và giữ lại khoáng chất. D. lọc hoá chất độc hại.

Câu 8. Người dân đã sử dụng phương pháp nào để thu được muối từ nước biển?

A. Làm lắng đọng muối.

B. Lọc lấy muối từ nước biển.

C. Làm bay hơi nước biển.

D. Cô cạn nước biển.

Câu 9. Hoà tan 50 ml ethanol (rượu) vào 400 ml nước thu được dung dịch rượu. Dung môi trong dung dịch trên là

A. nước.

B. ethanol.

C. dung dịch rượu.

D. ethanol và nước.

Câu 10. Trà là loại đồ uống có nhiều lợi ích cho sức khỏe được tổ chức Y tế thế giới khuyến dùng. Trong thực tế, khi pha trà để tách nước trà ra khỏi hỗn hợp bã trà và nước, người ta dùng phương pháp nào sau đây?

A. Lọc.

B. Chung cất.

C. Cô cạn.

D. Chiết.

Câu 11. Tế bào nào dưới đây khác biệt hơn so với các tế bào còn lại về kích thước?

A. Tế bào biểu bì lá.

B. Tế bào thần kinh ở người.

C. Tế bào trứng cá.

D. Tế bào vi khuẩn.

Câu 12. Nơi diễn ra mọi hoạt động sống của tế bào là

A. thành tế bào.

B. màng tế bào.

C. tế bào chất.

D. nhân tế bào hoặc vùng nhân.

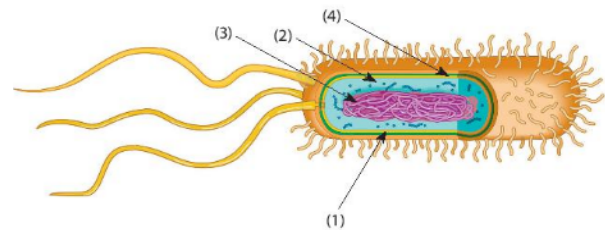
Câu 13. Quan sát tế bào hình 2 và cho biết mũi tên chi tiết số 3 đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.

A. Màng tế bào.

B. Chất tế bào.

C. Vùng nhân.

D. Nhân tế bào.



Hình 2

Câu 14. Thành phần nào dưới đây có cả ở tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

A. Màng tế bào.

B. Chất tế bào.

C. Roi, lông mao.

D. Nhân/vùng nhân.

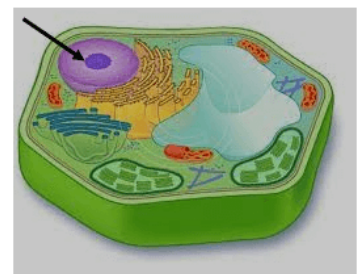
Câu 16. Quan sát hình 3 và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào?

A. Màng tế bào.

B. Chất tế bào.

C. Nhân tế bào.

D. Vùng nhân.



Hình 3

Câu 15. Tế bào động vật khác tế bào thực vật ở điểm nào?

A. Đa số không có thành tế bào.

B. Đa số không có ti thể.

C. Nhân tế bào chưa hoàn chỉnh.

D. Có chứa lục lạp.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu hỏi có 4 ý. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Các nhận định sau về tế bào là đúng hay sai?

- a) Các loại tế bào đều có hình đa giác.
- b) Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ đơn vị cơ bản là tế bào.
- c) Hầu hết các tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường.
- d) Lớp biểu bì vậy hành được cấu tạo từ tế bào còn lá hành thì không.

Câu 2. Xét tính đúng hoặc sai của các phát biểu dưới đây.

- a) Để tách bột mì ra khỏi nước, ta có thể dùng phương pháp lọc.
- b) Lắng, gạn có thể dùng để tách hỗn hợp bất kì.
- c) Để tách rượu ra khỏi nước, ta dùng phương pháp chưng cất.
- d) Để tách dầu ăn ra khỏi nước, ta dùng phương pháp lọc.

Câu 3. Xét tính đúng hoặc sai của các phát biểu dưới đây.

- a) Nhũ tương là hỗn hợp của chất lỏng và chất lỏng.
- b) Huyền phù là hỗn hợp đồng nhất.
- c) Nước chanh đường là một huyền phù.
- d) Trong huyền phù, các hạt chất rắn lơ lửng trong chất lỏng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 1. Cứ 100 gam nước biển có khoảng 36 gam muối ăn hòa tan. Vậy muốn thu được 1 tấn muối ăn thì cần làm bay hơi bao nhiêu tấn nước biển?

Câu 2. Một tế bào tiến hành sinh sản 5 lần liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào?

PHẦN IV. Tự luận.

Bài 1. Chất tinh khiết là gì? Hỗn hợp là gì? Lấy ví dụ chất tinh khiết và hỗn hợp.

Bài 2. Nêu một số phương pháp tách các chất ra khỏi hỗn hợp và cho biết trường hợp nào sử dụng phương pháp đó.

Bài 3. Vì sao nói tế bào là đơn vị cấu tạo cơ bản của mọi sinh vật?

Chúc con ôn tập tốt và làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!



I. PHẠM VI

Phân môn LỊCH SỬ

Bài 6. Ai Cập cổ đại

- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập cổ đại.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Ai Cập cổ đại.

Bài 7. Lưỡng Hà cổ đại

- Nêu được những tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà.
- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Lưỡng Hà.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Lưỡng Hà.

Bài 8. Ấn Độ cổ đại

- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ảnh hưởng đến sự hình thành của nền văn minh.
- Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ cổ đại.
- Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.

Phân môn ĐỊA LÍ

1. Lý thuyết

Bài 5. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng, kích thước của Trái Đất

Câu 1. Xác định vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt trời

Câu 2. Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.

Bài 6. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả

Câu 1. Mô tả sự chuyển động của Trái Đất quanh trục

Câu 2. Trình bày hiện tượng ngày, đêm luân phiên nhau

Câu 3. Mô tả sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến

2. Thực hành

Tính, so sánh giờ của 2 địa điểm trên Trái Đất.

II. THỜI GIAN, CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

1. Thời gian: 60 phút (gồm Lịch sử - Địa lí)

2. Cấu trúc:

Đề kiểm tra 90% trắc nghiệm và 10% tự luận, trong đó có 28 câu dạng trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn và 1 câu trắc nghiệm dạng đúng sai. Cụ thể:

Phân môn lịch sử	Phân môn địa lí
- Trắc nghiệm dạng thức lựa chọn phương án đúng: 14 câu (3,5 điểm)	- Trắc nghiệm dạng thức lựa chọn phương án đúng: 14 câu (3,5 điểm)
- Trắc nghiệm dạng thức Đúng – Sai: 1 câu, mỗi câu 4 ý (1,0 điểm)	- Trắc nghiệm dạng thức Đúng – Sai: 1 câu, mỗi câu 4 ý (1,0 điểm)
- Tự luận: 1 câu (0,5 điểm)	- Tự luận: 1 câu (0,5 điểm)
=> Tổng điểm bài kiểm tra: 10 điểm.	

HS không được sử dụng Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 6, Atlas Địa lí Việt Nam.



A. HÌNH THỨC, NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Thời gian: 45 phút

2. Hình thức: 100% câu hỏi trắc nghiệm khách quan (30 câu).

3. Nội dung kiểm tra

Bài 4: Tôn trọng sự thật

- Khái niệm sự thật.
- Biểu hiện của tôn trọng sự thật và trái với tôn trọng sự thật.
- Ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật.
- Học sinh cần rèn luyện cách tôn trọng sự thật như thế nào?

Bài 5: Tự lập

- Khái niệm tự lập.
- Biểu hiện của tính tự lập và chưa tự lập.
- Ý nghĩa của tính tự lập.
- Học sinh cần rèn luyện đức tính tự lập như thế nào?

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Câu hỏi mẫu: Ý nghĩa nào dưới đây không thể hiện tôn trọng sự thật?

- A. Giúp con người tin tưởng nhau. B. Giúp con người gắn kết với nhau.
C. Làm cho tâm hồn thanh thản. D. Làm cho mọi người không vui khi biết sự thật

Đáp án: D

Câu hỏi mẫu: Hành động nào dưới đây thể hiện tính tự lập?

- A. Đi dã ngoại nhưng không tự chuẩn bị mà nhờ người khác chuẩn bị giúp mình.
B. Luôn tự dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm, giặt quần áo mà không cần bố mẹ nhắc nhở.
C. Gặp bài toán khó, mở ngay phần hướng dẫn giải ra chép.
D. Làm việc nhóm nhưng không tự giác mà luôn trông chờ, ỷ lại vào các bạn.

Đáp án: B

Câu hỏi mẫu: Câu “Tự lực cánh sinh” nói về đức tính nào của con người?

- A. Kiên trì B. Siêng năng C. Chăm chỉ D. Tự lập

Đáp án: D

2. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm để hoàn thành câu.

Câu hỏi mẫu:là tự làm lấy công việc của mình trong cuộc sống.

- A. Tự phụ B. Tự lập C. Tự kiêu D. Tự tin

Đáp án: B

.....Hết.....

Chúc các con ôn tập tốt!



Phần I: những kiến thức trọng tâm cần ghi nhớ

Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng

- Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, giá trị dinh dưỡng từng loại và ý nghĩa đối với sức khỏe con người.

Bài 5: Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm

- Trình bày được các phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm.
- So sánh được ưu điểm, hạn chế các phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm

Phần II: Hình thức kiểm tra

- 100% trắc nghiệm (30 câu)



PHẦN I. CÁC KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin

Bài 6: Mạng thông tin toàn cầu

Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên Internet

Bài 8: Thư điện tử.

Chủ đề 4: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số

Bài 9: An toàn thông tin trên Internet.

PHẦN II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (HS chọn 1 đáp án đúng)

Câu 1. Mạng máy tính là:

- A. Tập hợp các máy tính nối với nhau bằng các thiết bị mạng
- B. Tập hợp các máy tính
- C. Mạng Internet
- D. Mạng LAN

Câu 2. Một mạng máy tính gồm

- A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
- B. một số máy tính bàn.
- C. hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau.
- D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một nhà.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây là sai ?

- A. Trong một mạng máy tính các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ
- B. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong một mạng máy tính
- C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính
- D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính

Câu 4. Phát biểu nào sau đây *không chính xác* ?

- A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều
- B. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây

C. Mạng không dây thường được dùng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại...

D. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây

Câu 5. Mạng máy tính gồm các thành phần

A. Máy tính và thiết bị kết nối

B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối

C. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng

D. Máy tính và phần mềm mạng

Câu 6. Khi sử dụng lại các thông tin trên mạng cần lưu ý đến vấn đề là:

A. Các từ khóa liên quan đến thông tin cần tìm

B. Các từ khóa liên quan đến trang web

C. Địa chỉ của trang web

D. Bản quyền

Câu 7. Dữ liệu nào sau đây có thể được tích hợp trong siêu văn bản?

A. Văn bản, hình ảnh;

B. Siêu liên kết;

C. Âm thanh, phim Video;

D. Siêu liên kết; Văn bản, hình ảnh; Âm thanh, phim Video;

Câu 8. www.edu.net.vn ký hiệu “vn” trên địa chỉ trang web có nghĩa là:

A. Một kí hiệu nào đó

B. Ký hiệu tên nước Việt Nam

C. Chữ viết tắt tiếng anh

D. Khác

Câu 9. Trang web hiển thị đầu tiên khi truy cập vào website là:

A. Một trang liên kết

B. Một website

C. Trang chủ

D. Trang web google.com

Câu 10. Làm thế nào để kết nối Internet?

A. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt Internet

B. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được cấp quyền truy cập Internet

C. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet

D. Wi-Fi

Câu 11. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

- A. Laptop
- B. Máy tính
- C. Mạng máy tính
- D. Internet

Câu 12. Một vài ứng dụng trên Internet

- A. Hội thảo trực tuyến
- B. Đào tạo qua mạng
- C. Thương mại điện tử
- D. Thương mại điện tử, hội thảo trực tuyến, đào tạo qua mạng,...

Câu 13. Website là:

- A. Một hoặc nhiều trang web liên quan tổ chức dưới nhiều địa chỉ truy cập
- B. Gồm nhiều trang web
- C. <http://www.edu.net.vn>
- D. Một hoặc nhiều trang web liên quan tổ chức dưới một địa chỉ truy cập chung

Câu 14. WWW là viết tắt của cụm từ nào sau đây ?

- A. World Win Web
- B. World Wide Web
- C. Windows Wide Web
- D. World Wired Web

Câu 15. Một số trình duyệt web phổ biến hiện nay:

- A. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word, Excel,...
- B. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Netscape Navigator,...
- C. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word,...
- D. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), yahoo, google,...

Câu 16. Em hãy chọn phương án trả lời *không* đúng.

Đặc điểm chính của Internet là:

- A. Tính toàn cầu và tính dễ tiếp cận .
- B. Tính tương tác
- C. Tính không chủ sở hữu
- D. Tính đa dạng

Câu 17. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

Internet là mạng ...(1)... các ...(2)... máy tính trên khắp thế giới. Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, ...(3)..., lưu trữ và trao đổi ...(4)...

- A. liên kết, mạng, chia sẻ, thông tin. B. mạng, liên kết, chia sẻ, thông tin.
C. chia sẻ, mạng, liên kết, thông tin. D. thông tin, liên kết, thông tin, chia sẻ

Câu 18. Mô tả nào sau đây nói về Internet là không đúng:

- A. Có phạm vi bao phủ khắp thế giới.
B. Hàng tỉ người truy cập và sử dụng.
C. Là tài sản và hoạt động dưới sự quản lý của một công ty lớn nhất thế giới.
D. Hầu hết những tiện ích trên internet như dịch vụ thư điện tử, mạng xã hội, học trực tuyến, xem phim đều miễn phí.

Câu 19. Chủ sở hữu của mạng Internet là

- A. Hãng Microsoft
B. Hãng IBM
C. Không có ai là chủ sở hữu của mạng toàn cầu Internet
D. Hãng DELL

Câu 20. Trang siêu văn bản là:

- A. Trang văn bản thông thường không chứa liên kết.
B. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau và chứa các liên kết.
C. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau không chứa liên kết.
D. Trang văn bản thông thường do một người tạo ra, không chứa liên kết.

Câu 21. Trong các trang web sau đây, những trang web nào có cùng địa chỉ trang chủ?

1. <https://vnexpress.net/goc-nhin>
2. <http://hoahoctro.vn/danh-muc/doi-song/hoc-duong>
3. <http://hoahoctro.vn/danh-muc/giai-tri>
4. <https://vnfam.vn>

- A. 1 và 2 B. 2 và 3
C. 3 và 4 D. 1 và 4

Câu 22. Các phần mềm sau, đâu không phải là trình duyệt

- A. Mozilla Firefox
- B. Cốc cốc
- C. Google Chrome
- D. Microsoft Word

Câu 23. Để truy cập một trang web, ta cần sử dụng một trình duyệt và thực hiện các bước theo thứ tự nào sau đây?

1. Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt.
2. Nháy địa chỉ trang web vào ô địa chỉ của trình duyệt.
3. Nhấn phím Enter.

- A. 1-2-3
- B. 1-3-2
- C. 2-1-3
- D. 2-3-1

Câu 24. Máy tìm kiếm dùng để làm gì?

- A. Đọc thư điện tử
- B. Truy cập vào website
- C. Tìm kiếm thông tin trên mạng
- D. Tất cả đều sai

Câu 25. Máy tìm kiếm là:

- A. Là công cụ tìm kiếm các thông tin trong máy tính
- B. Là một loại máy được nối thêm vào máy tính để tìm kiếm thông tin trên Internet
- C. Là một phần mềm cài đặt vào máy tính dùng để tìm kiếm thông tin
- D. Là một công cụ được cung cấp trên Internet giúp tìm kiếm thông tin trên cơ sở các từ khóa liên quan đến vấn đề cần tìm.

Câu 26. Sắp xếp các thứ tự sau theo một trình tự hợp lý để thực hiện thao tác tìm kiếm thông tin trên máy tìm kiếm:

1. Gõ từ khóa vào ô để nhập từ khóa
2. Truy cập vào máy tìm kiếm
3. Nhấn phím Enter hoặc nháy nút tìm kiếm. Kết quả tìm kiếm sẽ được liệt kê dưới dạng danh sách liên kết

- A. 1-2-3
- B. 2-1-3
- C. 1-3-2
- D. 2-3-1

Câu 27. Trong số các địa chỉ dưới đây, địa chỉ nào là địa chỉ thư điện tử?

- A. www.vnexpress.net
- B. giangvo2k6@gmail.com
- C. http://www.mail.google.com
- D. www.dantri.com

Câu 28. Những hành vi nào là sai của học sinh khi thực hành tin học:

- A. Chưa được phép của giáo viên khi thực hành
- B. Chơi game trong giờ thực hành
- C. Chưa được phép của giáo viên khi thực hành; Chơi game, xem phim trong giờ thực hành
- D. Xem phim trong giờ thực hành

Câu 29. Những hành vi nào vi phạm pháp luật trong sử dụng Tin học:

- A. Tung những hình ảnh, phim đồi trụy lên mạng
- B. Xâm phạm thông tin cá nhân hoặc của tập thể nào đó. Sao chép bản quyền không hợp pháp
- C. Lây lan virus qua mạng, xâm phạm thông tin cá nhân hoặc của tập thể nào đó, sao chép bản quyền không hợp pháp, tung những hình ảnh, phim đồi trụy lên mạng
- D. Lây lan virus qua mạng

Câu 30. Để phòng tránh virus, bảo vệ dữ liệu, nguyên tắc chung cơ bản nhất là:

- A. Luôn cảnh giác virus trên chính những đường lây lan của chúng
- B. Luôn cảnh giác và ngăn chặn sao chép tệp
- C. Luôn cảnh giác và ngăn chặn virus trên chính những đường lây lan của chúng
- D. Luôn ngăn chặn virus trên chính những đường lây lan của chúng

.....**HẾT**.....



I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

Chủ đề 3: Xây dựng tình bạn, tình thầy trò

- Khám phá cách thiết lập và mở rộng quan hệ bạn bè.
- Tìm hiểu các cách thiết lập quan hệ với thầy cô

II. CÁC DẠNG BÀI ÔN TẬP

1. Giải quyết tình huống:

Ví dụ 1: “Nhiều lúc H. rất muốn hỏi thầy cô về bài vở và một số việc của lớp nhưng sợ làm phiền thầy cô nên không hỏi nữa”. Con sẽ khuyên bạn như thế nào?

Ví dụ 2: “Nhiều lúc H. rất muốn hỏi thầy cô về bài vở và một số việc của lớp nhưng sợ làm phiền thầy cô nên không hỏi nữa”. Con sẽ khuyên bạn như thế nào?

2. Học sinh lựa chọn phương án:

- Giải quyết các vấn đề tiêu cực HS đang đối mặt ở độ tuổi học đường,
- Học sin lựa chọn các phương án đúng về vấn đề: chia sẻ để giải toả những khúc mắc và biết xử lí một số tình huống điển hình trong môi trường lớp học.

III. HƯỚNG RA ĐỀ

- Thời gian làm bài: 45 phút
- Cấu trúc đề: 100% trắc nghiệm



I. PHẠM VI

Chủ đề 3: Học sinh Hà Nội góp phần xây dựng Gia đình văn hóa

- Nêu được vai trò của xây dựng Gia đình văn hoá đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Nêu được những hành động, cách ứng xử của học sinh để xây dựng Gia đình văn hoá ở Hà Nội.
- Xác định được trách nhiệm của bản thân để góp phần xây dựng Gia đình văn hoá.

Chủ đề 4: Vị trí địa lí và sự thay đổi phạm vi hành chính Hà Nội

- Trình bày được ý nghĩa của vị trí địa lí và sự thay đổi phạm vi hành chính thành phố Hà Nội.

II. THỜI GIAN, CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

1. Thời gian: 45 phút

2. Cấu trúc:

Đề kiểm tra kết hợp trắc nghiệm và tự luận.

Trắc nghiệm (6 điểm), Tự luận (4 điểm).



MÔN ÂM NHẠC

Nội dung kiểm tra: Lựa chọn 1 trong 3 bài hát

- Mùa khai trường
- Tiếng chuông và ngọn cờ
- Niềm tin thấp sáng trong tim em

Hình thức kiểm tra: Thực hành

MÔN MỸ THUẬT

Nội dung kiểm tra

Câu 1: Em hãy thiết kế *Túi giấy đựng quà tặng có hoa văn trang trí thời Tiền sử*

Câu 2: Viết và chia sẻ một số thông tin về chất liệu, sản phẩm mà em tạo được.
(tên sản phẩm, chất liệu, cách tạo sản phẩm, cách sử dụng họa tiết trang trí, ...).

Hình thức kiểm tra: Thực hành

- Hình thức tạo hình: 2D; 3D tạo túi giấy đựng quà và trang trí có sử dụng họa tiết thời Tiền sử (có thể kết hợp vẽ với in hoặc cắt dán, xé dán).

- Chất liệu, vật liệu: Giấy vẽ, chất liệu tổng hợp...

- Kích thước: Túi có kích thước: 20x30cm (cá nhân); 30x40 (nhóm) (Học sinh tạo sản phẩm theo nhóm: 4 học sinh/nhóm)



MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Khối 6: Ôn chạy cự li ngắn (60m)

Nội dung kiểm tra: Thực hiện được các giải đoạn trong chạy cự li ngắn

Hình thức kiểm tra: Thực hành